

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 31

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 1 tháng 6 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh An Giang và Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Huân	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	từ ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 5 tháng 4 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con ("Nhóm Công ty") như được trình bày tại Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo và Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất riêng giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Số tham chiếu: 61656017/22692763/Q2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") được lập Ngày 22 tháng 10 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		118.046.652.509	74.185.850.348
110	I. Tiền	4	27.168.155.845	23.502.729.226
111	1. Tiền		27.168.155.845	23.502.729.226
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		55.015.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	5.018.120.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(3.120.000)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	50.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.786.066.763	46.477.249.814
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	22.647.961.098	6.952.013.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.288.452.900	1.293.277.766
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	7.140.978.778	38.523.284.263
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(291.326.013)	(291.326.013)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.686.001.989	4.079.105.295
141	1. Hàng tồn kho		4.686.001.989	4.079.105.295
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		391.427.912	126.766.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	61.112.279	98.518.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	330.315.633	28.247.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		287.046.445.824	88.214.574.752
210	I. Khoản phải thu dài hạn		643.250.000	643.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	643.250.000	643.250.000
220	II. Tài sản cố định		12.067.368.630	8.884.602.404
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.309.764.306	6.097.000.000
222	Nguyên giá		9.870.500.000	6.532.500.000
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(560.735.694)	(435.500.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.757.604.324	2.787.602.404
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(242.203.676)	(212.205.596)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	60.541.708.346	40.729.333.344
231	1. Nguyên giá		62.300.000.000	42.210.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.758.291.654)	(1.480.666.656)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		97.133.302	19.697.133.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	97.133.302	19.697.133.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		213.160.000.000	18.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	60.000.000.000	18.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.2	88.250.000.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	64.910.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		536.985.546	260.255.702
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	536.985.546	260.255.702
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		405.093.098.333	162.400.425.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.131.961.963	25.007.880.747
310	I. Nợ ngắn hạn		11.039.461.963	9.351.480.747
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	195.364.000	323.144.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.417.783.615	1.855.324.932
314	3. Phải trả người lao động		220.737.111	14.093.100
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		160.000.000	16.740.658
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác		-	84.909.091
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.045.577.237	-
320	7. Vay ngắn hạn		-	7.057.268.966
330	II. Nợ dài hạn		92.500.000	15.656.400.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		92.500.000	334.800.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	15.321.600.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		393.961.136.370	137.392.544.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	393.961.136.370	137.392.544.353
411	1. Vốn cổ phần		320.000.000.000	120.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.000.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.961.136.370	17.392.544.353
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		17.392.544.353	7.270.538.018
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.568.592.017	10.122.006.335
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		405.093.098.333	162.400.425.100

Nguyen Quoc Viet

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.414.062.112	8.777.735.076
11	2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	(1.882.242.531)	(8.328.992.653)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.531.819.581	448.742.423
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	25.108.236.442	2.701.577.154
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(876.076.507) (156.410.058)	(1.103.332.726) (901.065.135)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(999.980.925)	(772.657.872)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(4.424.749.547)	(2.408.507.792)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		21.339.249.044	(1.134.178.813)
31	9. Thu nhập khác		42.600.000	121.600.040
32	10. Chi phí khác	24	(520.454.897)	(190.261.774)
40	11. Lỗ khác		(477.854.897)	(68.661.734)
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		20.861.394.147	(1.202.840.547)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(4.292.802.130)	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN		16.568.592.017	(1.202.840.547)

Nguyễn Quốc Việt

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng

Đặng Bích Hồng
Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		20.861.394.147	(1.202.840.547)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	432.858.772	389.279.328
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.993.220.858)	178.922.846
06	Chi phí lãi vay	22	156.410.058	901.065.135
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.457.442.119	266.426.762
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(610.885.488)	(11.479.153.319)
10	Tăng hàng tồn kho		(606.896.694)	(799.352.992)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		5.874.464.348	(1.004.526.102)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(239.323.204)	7.541.675.892
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(5.015.000.000)	790.400.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(156.410.058)	(901.065.135)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(1.664.356.268)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		39.034.755	(5.585.594.894)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.828.000.000)	(246.464.647)
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(197.160.000.000)	(898.593.600)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		36.000.000.000	718.093.600
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được	20.2	993.220.858	1.577.154
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(213.994.779.142)	(425.387.493)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		240.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	1.463.121.827
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(22.378.868.966)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		217.621.131.034	1.463.121.827

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.665.386.647	(4.547.860.560)
60	Tiền đầu kỳ		23.502.729.226	5.367.601.280
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		39.972	-
70	Tiền cuối kỳ	4	27.168.155.845	819.740.720



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 1 tháng 6 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 25 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 23).

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh An Giang và Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định hiện hành. Cũng theo các quy định này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty các và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	40 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 30 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi ngân hàng	27.157.507.669	23.488.019.226
Tiền mặt	10.648.176	14.710.000
TỔNG CỘNG	27.168.155.845	23.502.729.226

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	2.099.000.000	2.167.500.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	1.681.500.000	1.728.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	921.000.000	921.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần DRH Holdings	316.620.000	313.500.000	(3.120.000)	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.018.120.000	5.130.000.000	(3.120.000)	-	-	-

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	50.000.000.000	-

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây có kỳ hạn gốc là mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất là 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu từ khách hàng khác	22.647.961.098	6.952.013.798
Ông Phạm Quốc Cường	17.000.000.000	-
Ông Mã Thành Đạt	3.201.930.000	1.100.760.000
Ông Nguyễn Khắc Ghi	1.005.717.730	3.145.410.000
Bà Lâm Thị Bích Trâm	895.840.000	1.912.412.730
Khác	544.473.368	793.431.068
TỔNG CỘNG	22.647.961.098	6.952.013.798
Dự phòng phải thu khó đòi	(291.326.013)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	22.356.635.085	6.952.013.798

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	291.326.013	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	291.326.013	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	1.100.000.000
Khác	188.452.900	193.277.766
TỔNG CỘNG	1.288.452.900	1.293.277.766

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	7.140.978.778	38.523.284.263
Tạm ứng nhân viên	5.200.063.750	4.249.470.000
Lãi tiền gửi	979.166.665	-
Chi trả hộ	441.290.263	441.290.263
Phải thu các bên khác	512.439.920	33.832.524.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	8.018.180	-
Dài hạn	643.250.000	643.250.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	643.250.000	643.250.000
TỔNG CỘNG	7.784.228.778	39.166.534.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa	4.427.748.174	3.902.107.614
Hàng gửi đi bán	226.217.612	144.961.478
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
TỔNG CỘNG	<u>4.686.001.989</u>	<u>4.079.105.295</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.532.500.000	-	6.532.500.000
Mua trong kỳ	-	3.338.000.000	3.338.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>6.532.500.000</u>	<u>3.338.000.000</u>	<u>9.870.500.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(435.500.000)	-	(435.500.000)
Khấu hao trong kỳ	(81.656.250)	(43.579.444)	(125.235.694)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(517.156.250)</u>	<u>(43.579.444)</u>	<u>(560.735.694)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>6.097.000.000</u>	-	<u>6.097.000.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>6.015.343.750</u>	<u>3.294.420.556</u>	<u>9.309.764.306</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>2.999.808.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	-
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(212.205.596)
Khấu hao trong kỳ	<u>(29.998.080)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(242.203.676)</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>2.787.602.404</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>2.757.604.324</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	20.000.000.000	22.210.000.000	42.210.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	<u>20.090.000.000</u>	-	<u>20.090.000.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>40.090.000.000</u>	<u>22.210.000.000</u>	<u>62.300.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	(1.480.666.656)	(1.480.666.656)
Hao mòn trong kỳ	<u>-</u>	<u>(277.624.998)</u>	<u>(277.624.998)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>-</u>	<u>(1.758.291.654)</u>	<u>(1.758.291.654)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.729.333.344</u>	<u>40.729.333.344</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>40.090.000.000</u>	<u>20.451.708.346</u>	<u>60.541.708.346</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	61.112.279	98.518.919
Khác	61.112.279	98.518.919
Dài hạn	536.985.546	260.255.702
Dịch vụ mua ngoài	236.372.004	-
Công thức nước dừa sâm	155.555.556	155.555.556
Bảo hiểm	105.963.870	-
Khác	39.094.116	104.700.146
TỔNG CỘNG	598.097.825	358.774.621

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Văn phòng công ty tại Phước Kiển, Nhà Bè	-	19.600.000.000
Khác	97.133.302	97.133.302
TỔNG CỘNG	97.133.302	19.697.133.302

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 15.1)	60.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 15.2)	88.250.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh 15.3)	64.910.000.000	-
TỔNG CỘNG	213.160.000.000	18.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư	
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina (i)	-	-	60	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh (ii)	85.7	60.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG		60.000.000.000		18.000.000.000	

(i) Vào ngày 18 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 60% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Linh Chi Vina ("Linh Chi Vina") cho một nhà đầu tư khác theo Biên Bản Hội đồng Quản trị số 30/2021/Green+/BBH-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị chuyển nhượng là 36.000.000.000 VND. Theo đó, Linh Chi Vina không còn là công ty con của công ty tại ngày 18 tháng 6 năm 2021.

(ii) Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh ("Organic Tiến Thịnh") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0316756875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Organic Tiến Thịnh có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Organic Tiến Thịnh là bán buôn, chuyên doanh khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư	
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng Khám Green+ (i)	35	70.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi (ii)	36.5	18.250.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG		88.250.000.000			

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng Khám Green+ (“Nhà thuốc và Phòng khám Green+”) là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Nhà thuốc và Phòng khám Green+ có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà thuốc và Phòng khám Green+ là giao dịch và tiếp thị thuốc.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi (“Đồng Khởi”) là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301098657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Đồng Khởi có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 25, Ấp Quới Hưng, Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Đồng Khởi là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoạt động đi thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công (i)	19,3	29.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House (ii)	19	22.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Green Portal (iii)	19	13.110.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		64.910.000.000		

VND

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công ("Học viện Khởi nghiệp Thành Công") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301054498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2018 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Học viện Khởi nghiệp Thành Công có trụ sở chính đăng ký tại 100D Hùng Vương, Khu phố 4, Phường 5, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Học viện Khởi nghiệp Thành Công là hoạt động cho thuê tài chính.

(ii) Công ty Cổ phần Thương mại Dream House ("Dream House") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0302073325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2000 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Dream House có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Dream House là bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

(iii) Công ty Cổ phần Green Portal ("Green Portal") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315525794 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2019 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Green Portal có trụ sở chính đăng ký tại 259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Green Portal là cung cấp thông tin điện tử trực tuyến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	195.364.000	-
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	323.144.000
TỔNG CỘNG	<u>195.364.000</u>	<u>323.144.000</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	159.852.311	384.547.625	(544.399.936)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.356.268	4.292.802.130	(1.664.356.268)	4.292.802.130
Thuế thu nhập cá nhân	31.116.353	138.398.196	(44.533.064)	124.981.485
TỔNG CỘNG	<u>1.855.324.932</u>	<u>4.815.747.951</u>	<u>(2.253.289.268)</u>	<u>4.417.783.615</u>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	28.247.094	507.202.795	(205.134.256)	330.315.633

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Linh Chi Vina	6.000.000.000	-
Khác	35.364.737	-
TỔNG CỘNG	<u>6.035.364.737</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	120.000.000.000	-	7.270.538.018	127.270.538.018
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(1.202.840.547)	(1.202.840.547)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>120.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.067.697.471</u>	<u>126.067.697.471</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	120.000.000.000	-	17.392.544.353	137.392.544.353
Phát hành cổ phần (*)	200.000.000.000	40.000.000.000	-	240.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.568.592.017	16.568.592.017
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>320.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>33.961.136.370</u>	<u>393.961.136.370</u>

(*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 150.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 19 tháng 1 năm 2021. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 vào ngày 8 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 60.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 320.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Việc phát hành cổ phiếu trên đã được hoàn thành vào ngày 9 tháng 4 năm 2021, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 200.000.000 cổ phiếu với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.000.000.000 VND lên 320.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Đặng Đức Thành	11.693.000	36,54	3.193.000	26,61
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	6.000.000	18,75	-	-
Các cổ đông khác	14.307.000	44,71	8.807.000	73,39
TỔNG CỘNG	32.000.000	100	12.000.000	100

19.3 Cổ phiếu

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu bán hàng	3.943.495.921	1.001.225.252
Doanh thu cho thuê mặt bằng	470.566.191	796.696.189
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	-	6.979.813.635
TỔNG CỘNG	4.414.062.112	8.777.735.076
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên khác	4.400.983.385	1.658.605.987
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	13.078.727	7.119.129.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Lãi từ hoạt động đầu tư	24.115.014.168	2.700.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	993.220.858	1.577.154
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.416	-
TỔNG CỘNG	<u>25.108.236.442</u>	<u>2.701.577.154</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Giá vốn hàng bán	1.596.335.797	508.734.049
Giá vốn cho thuê mặt bằng	285.906.734	414.350.762
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	-	7.405.907.842
TỔNG CỘNG	<u>1.882.242.531</u>	<u>8.328.992.653</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	665.528.050	183.419.950
Chi phí lãi vay	156.410.058	901.065.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.138.399	18.847.641
TỔNG CỘNG	<u>876.076.507</u>	<u>1.103.332.726</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí bán hàng	999.980.925	772.657.872
Chi phí hội thảo	401.056.585	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.409.244	455.533.254
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	96.954.545	-
Chi phí bằng tiền khác	143.560.551	317.124.618
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.424.749.547	2.408.507.792
Chi phí nhân viên	2.295.469.659	1.880.730.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.119.413	108.964.925
Chi phí ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19	692.750.000	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	214.762.426	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.235.694	81.656.250
Chi phí bằng tiền khác	398.412.355	337.156.241
TỔNG CỘNG	<u>5.424.730.472</u>	<u>3.181.165.664</u>

24. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí tài trợ	375.011.000	-
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động	29.998.080	29.998.080
Khác	115.445.817	160.263.694
TỔNG CỘNG	<u>520.454.897</u>	<u>190.261.774</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí nhân công	2.295.469.659	1.880.730.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.562.821.523	580.878.243
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	1.594.131.449	8.088.012.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	402.860.692	359.281.248
Khác	1.451.689.680	601.256.284
TỔNG CỘNG	<u>7.306.973.003</u>	<u>11.510.158.317</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.292.802.130</u>	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>20.861.394.147</u>	<u>(1.202.840.547)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	4.172.278.829	(240.568.109)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	120.523.301	19.694.578
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	220.873.531
Chi phí thuế TNDN	<u>4.292.802.130</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đồng đến ngày 8 tháng 4 năm 2021	Nhượng quyền thuê sạp	-	6.979.813.635
		Cung cấp dịch vụ	-	139.315.454
Linh Chi Vina	Công ty con đến ngày 18 tháng 6 năm 2021	Mua hàng hóa	73.900.000	1.586.050.000
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Nhận vốn góp Chi hộ	58.800.000.000 73.800.000	- -
Bà Đặng Bích Vân	Cổ đồng	Nhận vốn góp Bán hàng hóa	39.000.000.000 13.078.727	- -
Bà Đặng Bích Hồng	Cổ đồng	Tạm ứng Hoàn tạm ứng	18.000.000.000 18.000.000.000	- -
Organic Tiến Thịnh	Công ty con	Góp vốn	60.000.000.000	-
Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty liên kết	Góp vốn	70.000.000.000	-
Đồng Khởi	Công ty liên kết	Góp vốn	18.250.000.000	-
Học viện Khởi nghiệp Thành Công	Bên liên quan	Góp vốn	29.000.000.000	-
Dream House	Bên liên quan	Góp vốn	22.800.000.000	-
Green Portal	Bên liên quan	Góp vốn	13.110.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Đặng Đức Thành	Cổ đông	Chi hộ	4.583.333	-
Ông Lê Đình Phong	Cổ đông	Chi hộ	2.059.847	-
Bà Đặng Thị Bích Hồng	Cổ đông	Chi hộ	1.375.000	-
			8.018.180	-
Phải trả người bán				
Linh Chi Vina	Công ty con đến ngày 18 tháng 6 năm 2021	Mua hàng hóa	-	323.144.000

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.038.052.500	874.425.000

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	377.000.000	492.000.000
Từ 1 – 5 năm	144.000.000	275.000.000
TỔNG CỘNG	521.000.000	767.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

29. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	347,61	354,21

30. CÁC TRÌNH BÀY KHÁC CẦN THIẾT VỚI CÔNG TY

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021